

Số: 172/TM-TTYT
V/v yêu cầu báo giá hoá chất xét nghiệm

Tam Đảo, ngày 14 tháng 3 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp thuốc tại Việt Nam

Trung tâm Y tế huyện Tam Đảo có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm hoá chất xét nghiệm cho Trung tâm Y tế huyện Tam Đảo năm 2025-2026, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Tam Đảo
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Nguyễn Thành Trọng – Trưởng khoa Dược VTTTB-KSNK, số điện thoại 0978356286. Email: thanhtrongbv@gmail.com .
- Cách thức tiếp nhận báo giá: Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược-Trung tâm Y tế huyện Tam Đảo, thôn Núc Hạ, xã Hồ Sơn, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc hoặc Email: thanhtrongbv@gmail.com.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trước 16h ngày 25 tháng 3 năm 2025.
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày , kể từ ngày báo giá phát hành.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục: *Chi tiết tại phụ lục kèm theo*
- Địa điểm giao hàng: Khoa dược - VTTBYT - KSNK, Trung tâm Y tế huyện Tam Đảo. Vận chuyển, cung cấp, bảo quản theo đúng yêu cầu của nhà sản xuất.
- Các thông tin khác:
 - Nhà thầu thực hiện báo giá theo mẫu báo giá tại phụ lục kèm theo.
 - Hồ sơ báo giá gồm: Báo giá có đóng dấu hợp pháp của đơn vị.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GĐ, các PGĐ TTYT;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

Phạm Thanh Minh

Phụ lục. Danh mục mời báo giá hoá chất xét nghiệm

(Kèm văn Thư mời số 172/TTYT-KD ngày 14 tháng 3 năm 2025 của TTYT huyện Tam Đảo)

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I	Hóa chất cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động				
1	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Creatinine	Đóng gói: R1: 3 x 100 mL + R2: 3 x 100 Ml Thành phần: Thuốc thử R1 Sodium hydroxide 350 mM pH 13.0 ± 0.2 Thuốc thử R2 Picric acid 10 mM pH 2,6 ± 0.1	Hộp	90	
2	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Glucose	Đóng gói: R: 6X100ML Thành phần: Glucose Oxidase ≤ 23 U/mL Peroxidase ≤ 0,75 U/mL Aminoantipyrine 0,30 mM 4-Chlorophenol < 10 mM Non-reactive stabilizers and fillers Sodium Azide 0,05%. pH 7.4 ± 0.15	Hộp	90	

3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Cholesterol	Đóng gói: R: 6x100ml Thành phần: PIPES 90 mM 4-Aminoantipyrin 0.40 mM Cholesterol oxidase 350 U/L Cholesterol esterase 500 U/L Peroxidase 1000 U/L Phenol 28 mM pH 6,8 ±0.2	Hộp	70	
4	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AST/GOT	Đóng gói: R1: 5 x 80 mL + R2: 1 x 100 ML Thành phần: Thuốc thử R1: Tris Buffer 100 mM L-Aspartic acid 330 mM Malate dehydrogenase (MDH) >1000 U/L LDH (microbial) >2000 U/L pH 7.8 ± 0.1 Thuốc thử R2 NADH 1,1 mM α-Ketoglutaric acid 78 mM Sodium azide 0.01 % pH 10.0 ± 0.1	Hộp	120	

5	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ALT/GPT	Đóng gói: R1: 5 x 80 mL + R2: 1 x 100 MI Thành phần: Thuốc thử R1: Tris Buffer 125 mM L-Alanine 680 mM LDH (microbial) >2000 U/L pH 7.5 ± 0.1 Thuốc thử R2: α-ketoglutaric acid 97 mM NADH 1.1 mM Sodium azide 0.01 % pH 10.5 ± 0.1	Hộp	120	
6	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CK-MB	Đóng gói: R1: 1 x 40 mL + R2: 1 x 10 MI Thành phần Thuốc thử R1 Imidazol buffer pH 6.7 125 mM D-Glucose 25 mM NAC 25 mM Magnesium acetate 12,5 mM NADP 2.52 mM Hexokinase (microbial) ≥6800U/L U/L EDTA 2,02 mM Anti-human polyclonal CK-M antibody (sheep)inhibition capacity 2000 U/L Thuốc thử R2 ADP 15,2 mM AMP 25 mM Di(adenozin) pentaphosphate 103 mM G6PDH (microbial) ≥8800U/L Creatine phosphate 250 mM	Hộp	70	

7	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HbA1c	Đóng gói: R1: 4 x 15 mL + R2: 2 x 10 ML, Sample diluent 2x100ml Thành phần: Thuốc thử R1 : Latex Thuốc thử R2 : Anti-HbA1c (Anti-human hemoglobin A1c mouse monoclonal antibody) Sample Diluent : Distilled wWater and stabilizers.	Hộp	70	
8	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Albumin	Đóng gói: R: 6x50ml Thành phần: Bromcresol green: 0,25 mM Succinat Buffer: 85 mM Surfactant PH 4.20 ± 0.1	Hộp	22	
9	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HDL Cholesterol	Đóng gói: R1: 4 x 75 mL + R2: 2 x 50 ML Thành phần: Thuốc thử R1 Dextran sulfat ≤ 10g/dL MgCL2.6H2O ≤ 5 g/dL Detergent, ≤ 10g/dL pH 6,2-6,8 Thuốc thử R2 Detergent ≤ % 2 PEG-Cholesterol oxidase ≤ 5 KU/L PEG-Cholesterol esterase ≤ 5 KU/L 4-Aminoantipyrine ≤ 1 g/dL Peroxidase ≤ 8 KU/L pH 6,8 -7,4	Hộp	45	

10	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Protein Total	Đóng gói: R: 6X50ML Thành phần: Sodium Hydroxide 600 mM Cupric Sulfate 12 mM Potassium Sodium Tartrate 32 mM Potassium Iodide 30 mM	Hộp	22	
11	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Urea	Đóng gói: R1: 5 x 80 mL + R2: 1 x 100 mL Thành phần: Buffer α -Ketoglutarate < 4.0 mM Urease 7500 U/L GLDH 1000 U/L ADP > 2.0 mM NADH 1,29 mM Stabilizers and detergents pH 7.4 $\pm$ 0.1	Hộp	28	
12	Thuốc thử xét nghiệm định lượng GGT	Đóng gói: R1: 5 x 40 mL + R2: 1 x 50 Ml Thành phần: Thuốc thử R1 Tris buffer 100 mM Glycylglycine 100 mM pH 8,55 $\pm$ 0,1 Thuốc thử R2 L-gamma glutamyl 3-carboxy 4-nitroanilide 3.0 mM pH 6,15 $\pm$ 0,1	Hộp	28	

13	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Uric Acid	Đóng gói: R: 6x100ml Thành phần: TOOS <1 mM 4-AAP <4 mM Uricase 150 U/L Peroxidase 12000 U/L Non-reactive stabilizers and fillers. pH 7.6±0.2	Hộp	22	
14	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Triglycerides	Đóng gói: R: 6X100ML Thành phần: ATP 0,1 mM 4-Aminophenazone 0,1 mM p- chlorophenol 2,0 mM GPO 3500 U/L Lipoprotein Lipase 150000 U/L GK 500 U/L GOOD 50 mM pH 6,3 ± 0,1	Hộp	70	
15	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CK-NAC	Đóng gói: R1: 2 x 40 mL + R2: 2 x 10 ML Thành phần: Imidazole (pH 6.7) 100 mM Creatine Phosphate 30 mM ADP 2 mM AMP 5 mM NADP 2 mM N-Acetylcysteine (NAC) 20 mM Hexokinase (microbial) 2500 U/L G6PDH (microbial) 1500 U/L Glucose 20 mM Magnesium acetate 10 mM EDTA-Na ₂ 2 mM Diadenosine Pentaphosphate 10 µM Non-reactive stabilizers and fillers with sodium azide as a preservative.	Hộp	50	

16	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Bilirubin Direct	Đóng gói: R1: 5 x 40 mL + R2: 1 x 50 ML Thành phần: Thuốc thử R1 HCL 150 mM Sulphanilic Acid 30 mM Thuốc thử R2 Sodium Nitrite 29 mM	Hộp	70	
17	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Bilirubin Total	Đóng gói: R1: 5 x 40 mL + R2: 1 x 50 ML Thành phần: Thuốc thử R1 HCL 50 mM Sulphanilic Acid 30 mM Thuốc thử R2 Sodium Nitrite 145 mM	Hộp	90	
18	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Iron	Đóng gói: R1: 3 x 40 ml + R2: 1 x 30 ml Thành phần: Thuốc thử R1 Acetat Buffer 120 mmol/L Thiourea 90 mmol/L Surfactants pH 4.5 + 0.1 Thuốc thử R2 Ferene 3 mmol/L Thiourea 20 mmol/L Ascorbic Acid	Hộp	22	

19	Thuốc thử xét nghiệm định lượng LDL-Cholesterol	Đóng gói: R1: 4 x 75 mL + R2: 2 x 50 mL Thành phần: Thuốc thử R1 Detergent Cholesterol esterase : ≤ 200.000 U/L Cholesterol oxidase : ≤ 200.000 U/L Peroxidase : ≤ 200.000 U/L 4-aminoantipyrine Thuốc thử R2 Detergent TOOS Tris Buffer	Hộp	50	
20	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Amylase	Đóng gói: R1: 5 x 40 mL + R2: 1 x 50 ML Thành phần: Thuốc thử R1: MES Buffer 50 mmol/L Calcium chloride 6 mmol/L Sodium chloride 300 mmol/L KSCN 140 mmol/L preservative and stabilizer pH = 6.0 Thuốc thử R2: MES Buffer 50 mmol/L Gal-G2- α -CNP 4.0 mmol/L pH = 6.0 Preservatives	Hộp	28	

21	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Lipase	Đóng gói: R1: 2 x 50 mL + R2: 2 x 30 MI Thành phần: Thuốc thử R1 (TAMPON) Good's buffer pH 8,0 50 mol/L Taurodeoxycholate 4.3 mmol/L Deoxycholate 8 mmol/L Calcium chloride 15 mmol/L Co-lipase 2.2 mg/L Thuốc thử R2 Tartrate buffer pH 4,0 7.5 mmol/L Taurodeoxycholate 17.2 mmol/L Colour substrate 0.65 mmol/L	Hộp	8	
22	Thuốc thử hiệu chuẩn chung cho các xét nghiệm sinh hoá	- Mẫu chuẩn 1x3ml/ lọ dạng đông khô.	Lọ	50	
23	Thuốc thử hiệu chuẩn xét nghiệm HbA1c	Thành phần: Calibrator 1: Blue, Calibrator 2: Green, Calibrator 3: Yellow, Calibrator 4: Orange, Calibrator 5: Pink, Each vial is reconstitute with 0.5 ml of Sample Diluent in the kit.	Hộp	50	
24	Thuốc thử kiểm soát chất lượng xét nghiệm HbA1c	Mẫu chuẩn lọ 2x 0,5ml dạng đông khô	Hộp	50	
25	Thuốc thử kiểm soát chất lượng xét nghiệm mức thấp	- Mẫu chuẩn 1x5ml/ lọ dạng đông khô.	Lọ	100	

26	Thuốc thử kiểm soát chất lượng xét nghiệm CRP mức độ thấp	Huyết thanh của con người. Với nồng độ ASO/CRP/RF thấp	Lọ	10	
27	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CRP	Buffered pH 7.8 Biến thể kháng thể kháng CRP đa dòng của dê Sodium azide 0.095 % PEG 3 %	Lọ	10	
28	Thuốc thử kiểm soát chất lượng xét nghiệm mức cao	- Mẫu chuẩn 1x5ml/ lọ dạng đông khô.	Lọ	110	
29	Hoá chất rửa máy	-Trạng thái: Lỏng -pH: 13 (H ₂ O, 20 °C) -Khối lượng riêng: 1.06 g/cm ³ (20 °C) Thành phần: Free alkali (as NaOH) 1.5 - 2.5 % Phosphate (PO ₄) ≤ 0.002 %	Can	70	
II	Hóa chất chạy máy huyết học				
30	Dung dịch lyse giải	Hóa chất ly giải dùng cho máy phân tích huyết học. Thành phần: - Potassium Cyanide < 0,05 % - Detergent < 5,3 % - Quaternary Ammonium Salt < 5,0 %	ml	180000	
31	Dung dịch pha loãng	Hóa chất pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học. Thành phần: - Sodium Chloride < 0,9 % - Sodium Sulphate < 1,2 % - Buffer < 1,1 % - stabiliser < 0,01 %	lít	12000	

32	Dung dịch rửa mạnh	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học. Thành phần: - Sodium Hypochlorit < 5,0 % - Sodium Hydroxide < 1,0 % - Detergent < 1,0 %	lít	500	
33	Dung dịch rửa thường quy	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học. Thành phần: - sodium chloride < 0,9% - Detergent < 1,1% - Buffer < 0,3% - Stabiliser < 0,3% - Dye < 0,0001 %	lít	900	
34	Máu chuẩn cho máy huyết học	Dùng để kiểm chuẩn máy huyết học 3 thành phần Bạch cầu	ml	48	
II	Hóa chất dùng cho máy điện giải EasyLyte				
35	Nước rửa máy điện giải	Dung dịch rửa máy, thành phần gồm: -1 chai Daily Cleaner Diluent 90 ml, HCl 0,1N; muối -6 chai pepsin 0,05g	ml	3150	
36	Hoá chất điện giải	Gồm dung dịch Standard A 800ml, Standard B 180ml, Wash solution 80ml, bình thải dùng cho máy xét nghiệm điện giải Easylyte	ml	28000	

37	Dung dịch chuẩn	*Dung dịch kiểm chuẩn test Na, K, Cl, Li, Ca, pH, gồm 3 mức bình thường, cao và thấp. *Gồm muối, chất đệm, albumin lợn, chất bảo quản. pH mức bình thường 7.362-7.462, mức cao 7.579-7.679, mức thấp 7.164-7.264 máy xét nghiệm điện giải Easylyte	ml	240	
38	Điện cực máy điện giải	Điện cực tham chiếu, dùng cho máy xét nghiệm điện giải Easylyte	cái	5	
39	Điện cực máy điện giải	Điện cực Na, chứa đường ống thủy tinh đặc biệt nhạy với ion Na, dùng cho máy xét nghiệm điện giải Easylyte	cái	5	
40	Điện cực máy điện giải	Điện cực K, chứa đường ống nhựa, ionophores trung tính, dùng cho máy xét nghiệm điện giải Easylyte	cái	5	
41	Điện cực máy điện giải	Điện cực Cl, chứa đường ống nhựa, đặc biệt nhạy với Cl, dùng cho máy xét nghiệm điện giải Easylyte	cái	5	
42	Điện cực máy điện giải	Điện cực Ca, chứa đường ống nhựa, ionophores trung tính, dùng cho máy xét nghiệm điện giải Easylyte	cái	5	
43	Dây bơm cho máy điện giải	Bộ dây bơm cho máy điện giải máy xét nghiệm điện giải Easylyte	Hộp	5	
III	Hóa chất chạy máy đông máu				

44	Hóa chất xét nghiệm Prothrombin Time (PT)	Hóa chất xét nghiệm Prothrombin Time (PT) dùng để đánh giá chức năng đông máu ở con đường ngoại sinh và con đường chung với mẫu huyết tương	ml	600	
46	Bộ hóa chất xét nghiệm aPTT	Bộ hóa chất xét nghiệm aPTT sử dụng chất hoạt hóa Ellagic acid, dùng để đánh giá chức năng đông máu ở con đường nội sinh và con đường chung với mẫu huyết tương.	ml	700	
48	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen dùng để đánh giá chức năng đông máu với mẫu huyết tương. Hộp gồm có: - Chất thử chẩn đoán Fibrinogen dạng đông khô 5x2ml, 2x1mL, thành phần: huyết thanh người, sodium azide < 0,01%. Độ ổn định 4 giờ ở 22°C.	ml	300	
50	Hóa chất xét nghiệm Thrombin Time (TT)	Hóa chất xét nghiệm Thrombin Time (TT) dùng để đánh giá chức năng đông máu với mẫu huyết tương. Dạng đông khô, gồm Thrombin người 8 - 10 IU/ml, chất đệm buffer, sodium azide < 0,01%. Độ ổn định: 5 ngày ở 15°C hoặc 7 ngày ở 2-8°C.	ml	450	
52	Hóa chất kiểm chuẩn, mức bình thường	Hóa chất kiểm chuẩn, dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm đông máu mức bình thường. Huyết tương người đông khô đã được điều chỉnh các thông số về mức bình thường	ml	48	
54	Hóa chất kiểm chuẩn, mức bất thường	Hóa chất kiểm chuẩn, dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm đông máu mức bất thường. Huyết tương người đông khô đã được điều chỉnh các thông số về mức bất thường	ml	48	

56	Hóa chất chuẩn, dùng để xây dựng đường chuẩn xét nghiệm đông máu	Hóa chất chuẩn, dùng để xây dựng đường chuẩn xét nghiệm đông máu. Huyết tương người, sodium azide	ml	24	
58	Cuvette dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Cuvet dùng cho máy xét nghiệm đông máu	cái	15000	
	Máy xét nghiệm miễn dịch Access2				
59	Giếng phản ứng dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Giếng phản ứng dùng cho máy Access 2; Chất liệu Polypropylene; Dung tích tối đa 1 mL	Cái	21.638	
60	Cơ chất phát quang	Cơ chất phát quang; Lumi-Phos 530 (dung dịch đậm chứa chất dioxetan Lumigen PPD, chất huỳnh quang và chất hoạt động bề mặt).	ml	13.000	
61	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Dung dịch rửa dùng cho máy Access 2; Muối đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, < 0,1% natri azide	ml	429.000	
62	Dung dịch kiểm tra máy dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Dung dịch kiểm tra máy; Phosphatase kiềm, 1% albumin huyết thanh bò (BSA), 0,25% ProClin 300, < 0,1% natri azide.	ml	96	

63	Hóa chất định lượng TSH	Hóa chất định lượng TSH; Dải phân tích: 0.005 - 50.0 μ IU/mL; Phương Pháp: xét nghiệm miễn dịch enzym hai vị trí (“sandwich”) (two-site immunoenzymatic (“sandwich”) assay); Thành Phần: R1a: Các hạt thuận từ phủ kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng TSH người, muối đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), < 0,1% natri azide và 0,1% ProClin 300. R1b: Muối đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, BSA, protein (chuột), < 0,1% natri azide và 0,1% ProClin 300. R1c: Kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng TSH cộng hợp với phosphatase kiềm, muối đệm ACES, chất hoạt động bề mặt, BSA, protein (chuột), < 0,1% natri azide và 0,25% ProClin 300. R1d: Kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng TSH cộng hợp với phosphatase kiềm, muối đệm ACES, chất hoạt động bề mặt, BSA, protein (chuột), < 0,1% natri azide và 0,25% ProClin 300.	test	5.000	
64	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng TSH	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng TSH; S0: Đệm nền albumin huyết thanh bò (BSA), chất hoạt động bề mặt, < 0,1% natri azide và 0,5% ProClin 300. Chứa 0 μ IU/mL (mIU/L) hTSH S1, S2, S3, S4, S5: Chứa nồng độ hTSH (tương ứng) xấp xỉ: 0,050; 0,30; 3,0; 15,0 và 50,0 μ IU/mL (mIU/L), đệm nền BSA, chất hoạt động bề mặt, < 0,1% natri azide và 0,5% ProClin 300.	ml	150	
65	Hóa chất định lượng T3	Hóa chất định lượng T3; Dải phân tích: 0.1-8.0 ng/mL; Phương Pháp: xét nghiệm miễn dịch enzym liên kết cạnh tranh (competitive binding immunoenzymatic assay); Thành Phần: R1a: Kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng T3 cộng hợp với phosphatase kiềm (bò); hạt từ Dynabeads phủ streptavidin, đệm TRIS, protein (gia cầm, chuột), chất hoạt động bề mặt, < 0,1% natri azid và 0,1% ProClin 300. R1b: Chất tương tự T3 gắn với biotin, đệm TRIS, protein (gia cầm), chất hoạt động bề mặt, < 0,1% natri azid và 0,1% ProClin 300. R1c: Dung dịch NaOH 0,4N; 8-Anilino-1-Napthalenesulfonic Acid (ANS). R1d: Dung dịch Hydrochloric acid (HCl) 0,4N	test	5.000	

66	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng T3	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng T3; S0: Huyết thanh người, < 0,1% natri azide và 0,025% Cosmocil CQ. Chứa 0,0 ng/mL (nmol/L) Triiodothyronine. S1, S2, S3, S4, S5: Triiodothyronine ở các nồng độ xấp xỉ: 0,5; 1,0; 2,0; 4,0 và 8,0 ng/mL (0,8; 1,5; 3,1; 6,1 và 12,3 nmol/L), huyết thanh người, < 0,1% natri azide và 0,025% Cosmocil CQ.	ml	240	
67	Hóa chất định lượng T4 tự do	Hóa chất định lượng T4 tự do; Dải phân tích: 0.25-6.0 ng/dL; Phương Pháp: xét nghiệm miễn dịch enzym hai bước (two-step enzyme immunoassay); Thành Phần: R1a: Các hạt thuận từ phủ streptavidin, muối đệm TRIS, protein (chim), chất hoạt động bề mặt, 0,125% natri azide, và 0,125% ProClin 300. R1b: Muối đệm TRIS, protein (chim), chất hoạt động bề mặt, < 0,1% natri azide, và 0,1% ProClin 300. R1c: Muối đệm TRIS, protein (chim), chất hoạt động bề mặt, 0,125% natri azide, và 0,125% ProClin 300. R1d: Chất cộng hợp phosphatase kiềm (bò) – Triiodothyronin, muối đệm TRIS, protein (chim), chất hoạt động bề mặt, < 0,1% natri azide, và 0,1% ProClin 300. R1e: Kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng Thyroxin – T4 gắn biotin, đệm TRIS, protein (chim và chuột), chất hoạt động bề mặt, 0,125% natri azide, và 0,125% ProClin 300.	test	5.000	
68	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng T4 tự do	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng T4 tự do; S0: Huyết thanh người, < 0,1% natri azide và 0,5% ProClin 300. Chứa 0,0 ng/dL (0,0 pmol/L) thyroxine. S1, S2, S3, S4, S5: Thyroxine tự do trong huyết thanh người ở các nồng độ tương ứng xấp xỉ 0,5; 1,0; 2,0; 3,0 và 6,0 ng/dL (xấp xỉ 6,4; 12,9; 25,7; 38,6 và 77,2 pmol/L), < 0,1% natri azide và 0,5% ProClin 300.	ml	150	

69	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 1	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 1 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tố khối u); Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người. Các mức nồng độ của các chất phân tích được điều chỉnh với hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô/dịch cơ thể người.	ml	60	
70	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 2	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 2 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tố khối u); Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người. Các mức nồng độ của các chất phân tích được điều chỉnh với hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô/dịch cơ thể người.	ml	60	
71	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 3	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 3 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tố khối u); Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người. Các mức nồng độ của các chất phân tích được điều chỉnh với hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô/dịch cơ thể người.	ml	60	
72	Hóa chất định lượng β hCG toàn phần	Hóa chất định lượng β hCG toàn phần; Dải phân tích: 0.6 -1350 mIU/mL; Phương Pháp: xét nghiệm miễn dịch enzym hai bước liên tiếp ("sandwich") (sequential two-step immunoenzymatic ("sandwich") assay); Thành Phần: R1a: Các hạt thuận từ phủ phức hợp: kháng thể (dê) kháng IgG chuột, kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng β hCG, muối đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), < 0,1% natri azide, 0,1% ProClin 300. R1b: Protein (dê, chuột và tái tổ hợp), muối đệm citrat, chất hoạt động bề mặt, < 0,1% natri azide, và 0,1% ProClin 300. R1c: Kháng thể (thỏ) kháng β hCG cộng hợp với phosphatase kiềm (tái tổ hợp), muối đệm MES, chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò, protein (thỏ), < 0,1% natri azide, 0,25% ProClin 300.	test	3.000	

73	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng β hCG toàn phần	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng β hCG toàn phần; S0: Đệm albumin huyết thanh bò (BSA), chất hoạt động bề mặt, < 0,1% natri azide và 0,5% ProClin 300. Chứa 0,0 mIU/mL (IU/L) hCG. S1, S2, S3, S4, S5: hCG ở nồng độ (tương ứng) xấp xỉ 6, 35, 195, 620 và 1350 mIU/mL (IU/L), đệm BSA, chất hoạt động bề mặt, < 0,1% natri azide và 0,5% ProClin 300.	ml	288	
74	Hóa chất định lượng AFP	- Phạm vi phân tích: 0,5–3.000 ng/mL [0,41–2.478 IU/mL] - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai vị trí (“sandwich”) - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ phủ kháng thể kháng AFP đơn dòng ở chuột được huyền phù trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt tính bề mặt, chất nền albumin huyết thanh bò (BSA), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1b: Liên hợp photphataza kiểm kháng AFP đơn dòng ở chuột (bò) được pha loãng trong dung dịch muối đệm photphat, có chất hoạt tính bề mặt, chất nền BSA, protein (dê, thỏ, chuột), < 0,1% natri azit và 0,25% ProClin 300.	Hộp	14	
75	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng AFP	- Thành phần: S0: Chất nền albumin huyết thanh bò (BSA) đệm có chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% natri azit, 0,1% ProClin 300. Chứa 0 ng/mL AFP. S1,S2,S3,S4,S5, S6: AFP ở nồng độ xấp xỉ 2,5, 5, 25, 100, 500 và 3.000 ng/mL (2,1, 4,1, 21, 83, 413 và 2.478 IU/mL), trong chất nền đệm BSA có chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300.	Hộp	8	
76	Hóa chất định lượng CEA	- Phạm vi báo cáo: 0,1–1.000 ng/mL - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai vị trí “sandwich” - Thành phần: R1a: Pha rắn: Các hạt thuận từ phủ kháng thể kháng CEA MAb ở chuột, được huyền phù trong dung dịch đệm TRIS, albumin huyết thanh bò (BSA), có < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1b: Chất pha loãng: Dung dịch đệm photphat, protein (chuột, bò) với < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1c: Liên hợp: Kháng thể kháng CEA MAb ở chuột được liên kết với photphataza kiểm (bò), được pha loãng trong dung dịch đệm photphat, protein (bò), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300.	Hộp	12	

77	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng CEA	- Thành phần: S0: Dung dịch đệm photphat, protein (bò), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. S1,S2,S3,S4,S5: Kháng nguyên carcinoembryonic người ở các mức nồng độ xấp xỉ 1, 10, 100, 500, 1.000 ng/mL, trong dung dịch đệm phosphate, protein (bò), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300.	Hộp	8	
78	Hóa chất định lượng BR Monitor	- Phạm vi phân tích: 0,5–1.000 U/mL - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai vị trí (“sandwich”) - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ phủ kháng thể kháng biotin ở dê, gắn biotin kháng nguyên kháng CA 15-3, kháng thể đơn dòng ở chuột, albumin huyết thanh bò, < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1b: Liên hợp photphataza kiểm-kháng nguyên kháng CA 15-3 đơn dòng ở chuột (bò), albumin huyết thanh bò, < 0,1% natri azit, 0,25% ProClin 300. R1c: Dung dịch đệm protein (bò, dê, chuột), < 0,1% natri azit, 0,1% ProClin 300.	Hộp	12	
79	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng BR Monitor	- Thành phần: S0: Albumin huyết thanh bò (BSA) đệm, < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300. S1,S2,S3,S4,S5: Kháng nguyên CA 15-3 ở các nồng độ xấp xỉ 10, 50, 100, 500 và 1.000 U/mL trong BSA đệm, < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300.	Hộp	8	
80	Hóa chất định lượng OV Monitor	- Phạm vi phân tích: 0,5 U/mL - 5.000 U/mL - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai vị trí (“sandwich”) - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ phủ kháng thể kháng biotin ở dê, gắn biotin kháng nguyên kháng CA 125, kháng thể đơn dòng ở chuột, albumin huyết thanh bò, < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1b: Liên hợp photphataza kiểm-kháng nguyên kháng CA 125 đơn dòng ở chuột (bò), albumin huyết thanh bò, < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1c: Dung dịch đệm protein (bò, dê, chuột), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300.	Hộp	12	

81	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng OV Monitor	- Thành phần: S0: Albumin huyết thanh bò (BSA) đậm, < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300. S1,S2,S3,S4,S5: Kháng nguyên CA 125 ở các nồng độ xấp xỉ 25, 100, 500, 2.000 và 5.000 U/mL, trong BSA đậm, < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300.	Hộp	8	
82	Hóa chất định lượng Thyroglobulin	- Phạm vi phân tích: 0,1–500 ng/mL - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym một bước đồng thời (“sandwich”) - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ Dynabeads phủ streptavidin, được huyền phủ trong dung dịch đệm TRIS có protein (bò), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1b: Liên hợp photphataza kiểm-kháng thể kháng thyroglobulin đơn dòng ở chuột (bò) trong dung dịch đệm TRIS có protein (bò, chuột), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1c: Các kháng thể kháng thyroglobulin đơn dòng ở chuột được liên kết với biotin trong dung dịch đệm HEPES có protein (bò và chuột), < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300.	Hộp	12	
83	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng Thyroglobulin	- Thành phần: S0: Dung dịch đệm HEPES có albumin huyết thanh bò (BSA), < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300. Chứa 0 ng/mL thyroglobulin. S1, S2, S3, S4, S5: Thyroglobulin người ở các nồng độ xấp xỉ 1, 10, 100, 250 và 500 ng/mL, trong dung dịch đệm HEPES có BSA, < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300.	Hộp	8	
84	Hóa chất định lượng GI Monitor	- Phạm vi phân tích: 0,8–2.000 U/mL - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai vị trí (“sandwich”) - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ, phủ kháng thể kháng biotin đa dòng ở dê, albumin huyết thanh bò, < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1b: Liên hợp photphataza kiểm-kháng nguyên kháng CA 19-9 đơn dòng ở chuột (bò), albumin huyết thanh bò, < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1c: Liên hợp biotin-kháng nguyên kháng CA 19-9 đơn dòng ở chuột, albumin huyết thanh bò, < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1d: Dung dịch đệm protein (bò, dê, chuột), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300.	Hộp	12	

85	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng GI Monitor	- Thành phần: S0: Albumin huyết thanh bò (BSA) đậm, < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300. S1, S2, S3, S4, S5: Kháng nguyên CA 19-9 ở các nồng độ xấp xỉ 30, 90, 300, 900 và 2.000 U/mL, trong BSA đậm, < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300.	Hộp	8	
86	Định lượng total PSA	- Phạm vi phân tích: 0,008–150 ng/mL (hiệu chuẩn Hybritech) hoặc 0,008–121 ng/mL (hiệu chuẩn WHO) - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai vị trí (“sandwich”) - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ phủ kháng thể kháng PSA đơn dòng ở chuột được huyền phù trong dung dịch muối đậm TRIS, có chất hoạt tính bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1b: Liên hợp photphatasa kiềm kháng PSA đơn dòng ở chuột (bò) được pha loãng trong dung dịch muối đậm photphat, có chất hoạt tính bề mặt, BSA, protein (chuột), < 0,1% natri azit và 0,25% ProClin 300.	Hộp	12	
87	Chất chuẩn Hybritech PSA	- Thành phần: S0: Albumin huyết thanh bò (BSA) đậm, < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300. S1,S2,S3,S4,S5: PSA trong huyết thanh ở mức xấp xỉ 0,5, 2, 10, 75 và 150 ng/mL đối với hiệu chuẩn của Hybritech (hoặc 0,4, 1,7, 8, 58 và 121 ng/mL đối với hiệu chuẩn của WHO) trong BSA đậm, < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300.	Hộp	8	
	Cộng: 87 khoản				

BIỂU MẪU BÁO GIÁ

(Theo Thư mời báo giá số 172 /TM-TTYT ngày 14/3/2025 của Trung tâm y tế Tam Đảo, V/v: Mời báo giá hoá chất xét nghiệm)

Tên công ty:

Số giấy đăng ký kinh doanh:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Số công bố đủ điều kiện kinh doanh TBYT:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Mã số thuế:

Diễn thoại:

Email:

Địa chỉ:

Người liên hệ:

Chức vụ:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm y tế Tam Đảo

Công ty Chúng tôi xin gửi tới Quý Trung tâm bảng Báo giá chi tiết như sau:

[illegible]

1. Giá trên đã bao gồm các chi phí vận chuyển, bảo quản liên quan và các loại thuế, phí theo quy định của pháp luật.
2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày kể từ ngày tháng 3 năm 2025
3. Địa điểm cung cấp hàng hóa: Trung tâm Y tế huyện Tam Đảo
4. Thời gian giao hàng dự kiến: 05 ngày kể từ khi nhận được thông tin yêu cầu của Trung tâm Y tế Tam Đảo
5. Dự kiến về các điều khoản thanh toán hợp đồng
 - Đồng thanh toán: VNĐ
 - Thanh toán theo số lượng giao hàng thực tế tại Trung tâm Y tế Tam Đảo trong vòng 90 ngày kể từ khi giao hàng và công ty xuất chứng từ thanh toán.
 - Phương thức thanh toán: Chuyển khoản
6. Chúng tôi cam kết:
 - Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác
 - Không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp
 - Giá trị của các mặt hàng nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá
 - Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực
 - Thông tin liên hệ người làm báo giá: (Thông tin liên hệ của người trực tiếp làm báo giá)

Ngày tháng năm 2025
Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
Ký tên, đóng dấu